

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ QUANG HUY

**ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015**

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh
2. TS. Trần Tuấn Sơn**



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20....

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện quốc gia và Thư viện Học viện
Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tiến công binh vận là nét độc đáo trong truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Tùy vào từng thời kỳ khác nhau binh vận còn có những cách gọi khác như: tâm công, địch vận, binh - địch vận, tuyên truyền đặc biệt. Thực chất của binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc vận động quần chúng “đặc biệt” trong binh lính Việt Nam Cộng hòa vì nhiều lý do khác nhau cảm hứng làm việc cho địch, trở về với nhân dân, với cách mạng; tuyên truyền vận động làm cho binh lính Mỹ và đồng minh thấy cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là chính nghĩa, cuộc xâm lược của Mỹ là phi nghĩa qua đó binh biến, phản đối chiến tranh, đòi về nước.

Trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng, công tác binh vận được xác định là một trong ba mũi giáp công (quân sự - chính trị - binh vận), giữ vai trò trực tiếp tác động vào hàng ngũ đối phương, làm tan rã ý chí chiến đấu và phá vỡ bộ máy chiến tranh của địch từ bên trong. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh phải “đánh vào lòng người”, coi đó là phương thức quan trọng để hạn chế tổn thất và giành thắng lợi bền vững. Trên thực tế, binh vận không chỉ là vận động binh lính đối phương mà còn bao hàm hoạt động xây dựng cơ sở nội tuyến, tác động đến gia đình binh lính, đồng thời kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và quân sự nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Chiến trường Khu 5 giữ vị trí chiến lược hết sức trọng yếu cả về quân sự, chính trị và địa - kinh tế. Địa bàn Khu 5 gồm đồng bằng ven biển Trung Bộ, Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên, là khu vực tiếp giáp với Đông Nam Bộ, với Đông Bắc Campuchia và Hạ Lào, đồng thời là cửa ngõ chiến lược nối liền đồng bằng ven biển với vùng rừng núi Tây Nguyên. Khu 5 là địa bàn Mỹ đổ bộ quân viễn chinh vào đầu tiên, cũng là địa bàn hoạt động mạnh nhất của quân đồng minh của Mỹ với các Lữ đoàn khét tiếng tàn bạo của Nam Triều Tiên như: Mãnh Hổ, Ròng Xanh, Bạch Mã. Để đối phó với phong trào cách mạng Khu 5, địch tập trung xây dựng hệ thống căn cứ quân sự, hành chính, hậu cần quy mô lớn, triển khai nhiều đơn vị chủ lực tinh nhuệ, lực lượng bảo an, dân vệ dày đặc, do đó Khu 5 là địa bàn diễn ra sự giằng co quyết liệt giữa ta và địch trong suốt thời kỳ “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”. Do đó, công tác binh vận càng có ý nghĩa đặc biệt trong việc làm suy giảm sức chiến đấu của đối phương, tạo điều kiện cho quân chúng nổi dậy và bộ đội chủ lực tiến công. Vì vậy, nghiên cứu sự lãnh

đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận góp phần làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong lãnh đạo toàn bộ cuộc kháng chiến.

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận chịu tác động của nhiều yếu tố. Địa bàn rộng, bị chia cắt mạnh, nhiều khu vực rừng núi, vùng đông bào dân tộc thiểu số; hệ thống kìm kẹp của địch chặt chẽ; hoạt động tình báo, phản gián phức tạp. Những đặc điểm này đặt ra yêu cầu về tổ chức lực lượng, phương thức hoạt động và bảo đảm bí mật. Đảng bộ Khu 5 không chỉ quán triệt chủ trương của Trung ương mà còn chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng mạng lưới nội tuyến, phát huy vai trò của cơ sở trong lòng địch, linh hoạt kết hợp binh vận với địch vận và dân vận.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ từng giai đoạn của cuộc kháng chiến, Đảng bộ Khu 5 đã xác định rõ đối tượng, nội dung nhiệm vụ, khả năng, quy mô và phương thức tấn công binh vận, tạo thành một phong trào quần chúng rộng lớn, làm suy sụp về tinh thần địch, hạn chế thương vong tổn thất cho cách mạng; cùng với đấu tranh quân sự, chính trị tạo thành ba mũi giáp công, đánh bại mọi âm mưu và các chiến lược chiến tranh của Mỹ - chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa, đẩy lùi từng bước, giành thắng lợi từng phần, góp phần tiến lên đánh đổ địch, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác binh vận ở Khu 5 còn có những hạn chế: sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 5 và một số cấp ủy có thời điểm còn lúng túng, bị động chưa theo kịp tình hình mới; việc chấp hành chính sách tù, hàng binh ở một số địa phương còn chưa tốt; có thời điểm chưa xây dựng được lực lượng binh vận trọng các đơn vị chủ lực của địch,... Nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975 nhằm góp phần đánh giá những thành công, hạn chế, đúc rút những kinh nghiệm có thể vận dụng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn vấn đề ***“Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975”*** làm đề tài Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Làm rõ sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975, từ đó đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;
 Làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận;

Hệ thống, phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975;

Nhận xét, đúc rút các kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Công tác binh vận bao gồm nhiều nội dung. Trong phạm vi luận án, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu chủ trương của Đảng bộ Khu 5 trên các nội dung: xây dựng tổ chức binh vận; xây dựng cơ sở nội tuyến; đấu tranh binh vận kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự; thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Về thời gian: Từ năm 1961 đến năm 1975.

Luận án lấy mốc mở đầu là năm 1961: năm 1961 Trung ương Đảng quyết định giải thể Liên Khu 5, thành lập Khu 5 và Khu 6. Mốc kết thúc tháng 4/1975: cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi.

Luận án phân chia quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận thành hai giai đoạn 1961-1965 và 1965-1975. Giai đoạn 1961-1965, Khu 5 trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam; giai đoạn năm 1965-1975, Khu 5 trực thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng.

Về không gian: Trên chiến trường Khu 5. Phạm vi không gian điều chỉnh ở một số thời điểm:

Tháng 7/1961 đến tháng 3/1966, Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam (năm 1962, Trung ương Đảng tách tỉnh Quảng Nam thành tỉnh Quảng Đà ở phía Bắc và tỉnh Quảng Nam ở phía Nam), Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai. Năm 1963, Khánh Hòa, Đắk Lắk của Khu 6 sáp nhập về Khu 5.

Tháng 4/1966, Trung ương tách tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên ra khỏi Khu 5 và thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế. Lúc này Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác binh vận.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành bao gồm phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Bên cạnh đó, còn kết hợp các phương pháp bổ trợ như: phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê và điền dã.

4.3. Nguồn tài liệu

Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, từ tập 16 đến tập 36.

Các Văn kiện (nghị quyết, chỉ thị, công điện, báo cáo...) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

Các Văn kiện (nghị quyết, chỉ thị, công văn, điện báo, báo cáo...) của Đảng bộ Khu 5, Đảng bộ các địa phương được lưu tại Cục Chính trị Quân Khu 5, Văn phòng Quân Khu 5, Phòng lưu trữ các địa phương.

Các công trình nghiên cứu khoa học, sách lịch sử Khu 5, lịch sử đảng bộ các địa phương, tạp chí, luận án liên quan.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án hệ thống hóa nguồn tư liệu phong phú, đa dạng về sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Luận án phục dựng và tái hiện một cách khách quan, khoa học có hệ thống quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Nhận xét, đánh giá và đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo công tác binh vận của Đảng bộ Khu 5, có giá trị tham khảo vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần nghiên cứu tổng kết thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thông qua hoạt động lãnh đạo thực tiễn của Đảng bộ Khu 5 giai đoạn 1961-1975.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần làm sáng tỏ, sâu sắc hơn về thực tiễn lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua thực tiễn tại chiến trường Khu 5.

7. Kết cấu của luận án

Luận án bao gồm: Phần mở đầu, phần nội dung (gồm 4 chương, 10 tiết), phần kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu chung về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đề cập đến công tác binh vận

Nhóm công trình nghiên cứu chung về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có liên quan đến binh vận của các tác giả, các cơ quan, như: Cuốn sách *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, tập 2 (1973) của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; công trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II, 1954-1975, (1995) của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; công trình *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch quân sự Việt Nam 1945-1975* (1995) của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam; cuốn sách *Đảng chỉ đạo giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thời kỳ 1965-1975* (2003) của Nguyễn Xuân Tú; luận án tiến sĩ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ 1965 đến 01/1973* (2007) của Nguyễn Văn Bạo; công trình *Chung một bóng cờ Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam* (2010) của Trần Bạch Đằng; công trình *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975* (2011) của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7; cuốn sách *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân và dân ta chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ 1969-1975* (2012) của Lê Văn Mạnh; công trình *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), tập IV, Cuộc đụng đầu lịch sử* của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2013); cuốn sách *Vành đai diệt Mỹ ở chiến trường miền Nam 1965-1973* (2014) của Trịnh Thị Hồng Hạnh; công

trình *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam* (2015) của Giảng Seo Phủ; công trình *Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình* (2015) của Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh; công trình *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học* (2015) của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh; công trình *Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử* (2017) của Bộ Quốc Phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh; công trình *Tổng kết Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam 1954-2020* (2021) của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến.

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về công tác binh vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

* Công trình tổng kết công tác binh vận ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Công trình *Tổng kết công tác binh - địch vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Tổng Cục chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam (2002); cuốn sách *Vỏ bọc nhiệm màu* của Hà Bình Nhưỡng (2003); bài viết trên Tạp chí Lịch sử quân sự số 8 (2008) *Binh vận mũi giáp công trọng yếu trên vành đai diệt Mỹ* của Trịnh Thị Hồng Hạnh; bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 4 (2010), *Một đóng góp quan trọng của mũi binh - địch vận trong thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của Nguyễn Văn Định; cuốn sách *Công tác binh - địch vận góp phần làm nên thắng lợi, Đại thắng Mùa Xuân 1975, mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam* (2016) của Nguyễn Văn Bích; cuốn sách *Đường lối binh vận của Đảng (1930-1975)* của các tác giả Trần Thị Thúy Nga, Nguyễn Thị Hồng Phương, Phạm Thanh Thủy; luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1969 đến năm 1975* (2020) và cuốn sách *Công tác binh vận của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vận dụng xây dựng quân đội hiện nay* (2023) của Nguyễn Khắc Trai; đề tài khoa học cơ sở *Trung ương Cục Miền Nam lãnh đạo công tác binh vận tại miền Nam Việt Nam (1961-1975)* của Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023); luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam *Công tác binh vận trên chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1961 đến năm 1975* (2025) của Lê Mạnh Tiến.

* Công trình tổng kết công tác binh vận ở các địa phương trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Công trình *Tổng kết công tác binh vận*

tỉnh Đồng Nai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1998); công trình *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) trên chiến trường B2 cũ của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh* (2000); công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của BCH Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2001); công trình *Công tác binh vận tỉnh Bình Dương (1954-1975)* của BCH Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2002); bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 4 (2008), *Mũi tiến công địch vận ở Huế, Xuân Mậu Thân 1968* của Vũ Quang Hiền.

1.1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về công tác binh vận ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

* Công trình nghiên cứu về Khu 5 đề cập đến công tác binh vận: Cuốn sách *Mười năm trên tuyến đầu chống Mỹ của quân và dân khu 5*, của Tuyên huấn giải phóng Khu 5 xuất bản năm 1963; cuốn sách *Quân khu 5 thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ* của Nxb Quân đội Nhân dân (1981); Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1968)* và *tập III, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969-1975)*; cuốn sách *Kẻ thù nào cũng đánh thắng - Những trận đánh điển hình trên chiến trường Khu 5* (1993) của Bộ Tư lệnh Quân khu 5; Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập 2 (1945-1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1996); công trình *Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Viện Lịch sử quân sự (1999); công trình *Vành đai diệt Mỹ trên chiến trường Khu 5 - Một sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam* (2002) của Viện Lịch sử Quân sự; cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, tập 2 (1945 – 2005)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2005); cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5, tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Đảng bộ Quân Khu 5 (2010); Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tập 1 (1930 – 1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019); cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập 1 (1930 - 1975)* của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (2019)

* Công trình nghiên cứu tổng kết công tác binh vận trên địa bàn Khu 5: Công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Gia Lai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Tỉnh ủy Gia Lai (1998); công trình *Tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến*

chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (1998); Báo cáo *tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999); công trình *Tổng kết công tác binh vận chiến trường Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1999); công trình *Tổng kết công tác binh vận tỉnh Đắk Lắk trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của Tỉnh ủy Đắk Lắk (2001); công trình *Công tác binh vận trên chiến trường Bình Định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của BCH Đảng bộ tỉnh Bình Định (2004); công trình *Tổng kết công tác đấu tranh chính trị, binh vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (2021); bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 1 (2011) *Hoạt động nội tuyến trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đắk Lắk* của Trần Thị Lan; bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 6 (2012) *Đấu tranh binh vận ở Quảng Nam trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* của Hà Văn Ngọc; bài viết trên Tạp chí Lịch sử Quân sự số 10 (2015) *Công tác binh vận trên chiến trường Quảng Trị những năm 1961-1966* của Hoàng Chí Hiếu.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu của các tác giả ở nước ngoài

Nhóm công trình của các tác giả nước ngoài như: Cuốn sách *Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày* của Maicon MacLia (1990); cuốn sách *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam* của Phillip B. Davidson (1995); cuốn sách *Một anh hùng cộng sản được nuôi dưỡng trong hàng ngũ lính Mỹ*, *Việt Nam cuộc chiến không quên* của Ron Moreau (2001); cuốn sách *Cuộc tháo chạy toán loạn* của Frank Snepp (2003); cuốn sách *Một chiến thắng bị bỏ lỡ* của William Colby (2007); cuốn sách *Chiến tranh Việt Nam được và mất* của Nigel Cawthorne (2007); cuốn sách *Hồ sơ chiến tranh Việt Nam* của Jeffrey Kimball (2007); cuốn sách *Hồ sơ mật Lầu Năm Góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam* của tác giả Daniel Ellsberg (2018); cuốn sách *Rút quân - nhìn lại những năm cuối cùng của Mỹ tại Việt Nam* của Gregory A Daddis (2021); cuốn sách *Lực lượng mãnh hổ* của tác giả Michael Sallah & Mitch Weiss (2022); Cuốn sách *Nhìn lại quá khứ, tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam* của Robert S. McNamara (2025).

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

1.2.1.1. Về tư liệu

Các công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam nói chung và công tác binh vận nói riêng khá phong phú và đa dạng về thể loại, bao gồm: sách tổng kết chiến tranh, sách tham khảo, kỷ yếu hội thảo, các bài báo khoa học, hồi ký, đây là nguồn tư liệu quý giá, tin cậy để phục vụ nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến công tác binh vận thời kỳ 1954-1975 được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Quân sự, Lịch sử Việt Nam. Các công trình đều sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, logic, phân tích, đối chiếu và thống kê, với phạm vi không gian nghiên cứu phong phú trên toàn chiến trường miền Nam đến các địa bàn trọng điểm tại Khu 5.

1.2.1.3. Về nội dung

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã làm rõ vị trí quan trọng của Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thứ hai, các công trình đã luận giải khái niệm, nội dung, vai trò của công tác binh vận.

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu tập trung tổng kết làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, của Trung ương Cục miền Nam, Đảng bộ Khu 5 trong lãnh đạo công tác binh vận.

Thứ tư, một số công trình đánh giá thành công, hạn chế, đúc kết một số bài học kinh nghiệm trong công tác binh - địch vận

Thứ năm, các công trình khoa học của tác giả người nước ngoài chủ yếu đề cập đến chính sách của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975;

Thứ hai, chủ trương và sự chỉ đạo công tác binh vận của Đảng bộ Khu 5 qua hai giai đoạn 1961-1965 và 1965-1975 trên các vấn đề: xây dựng tổ chức binh vận; xây dựng cơ sở nội tuyến; binh vận kết hợp với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị; thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Thứ ba, nhận xét, đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ tư, đúc kết những kinh nghiệm rút ra trong quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975, có thể tham khảo, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Qua nghiên cứu, công tác binh vận đã thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Số lượng công trình phong phú, được tiếp cận ở nhiều góc độ và phạm vi không gian, thời gian, phương pháp nghiên cứu khác nhau. Các công trình nghiên cứu bước đầu đã khái lược về tình hình công tác binh vận trên chiến trường miền Nam. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về công tác binh vận trên chiến trường Khu 5 bước đầu đã làm rõ một số chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu 5, của các đảng bộ địa phương, đồng thời các công trình cũng làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế, bài học kinh nghiệm đối với công tác binh vận. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, có tính hệ thống về Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN (1961-1965)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội địa bàn Khu 5

Khu 5 có vị trí đặc biệt quan trọng, có đường biên giới chung với Campuchia, Lào, có nhiều đường từ đồng bằng lên Tây Nguyên; có sân bay và các hải cảng lớn. Địa bàn có 3 vùng: rừng núi, đồng bằng ven biển và đô thị. Chiến trường khu 5, là địa đầu phía Bắc của miền Nam. Do vậy, Khu 5 là địa bàn chiến lược vô cùng quan trọng của cả nước và 3 nước Đông Dương.

2.1.2. Tình hình công tác binh vận ở Khu 5 trước năm 1961

Dưới sự lãnh đạo của Liên Khu ủy 5, công tác binh vận đạt được một số thành tựu quan trọng. Ưu điểm công tác binh vận trong giai đoạn

1954-1960, Khu ủy Liên khu 5 đã kịp thời lãnh đạo công tác binh vận đáp ứng yêu cầu cách mạng. Bên cạnh những ưu điểm, công tác binh vận còn những hạn chế: đánh giá không hết những âm mưu, thủ đoạn của địch; công tác triển khai công tác binh vận chưa được chú trọng đúng mức. Trong những năm đầu chưa xây dựng được phong trào quần chúng làm công tác đấu tranh binh vận, nhiều nơi nhân dân có thái độ “đôi lập”, “miệt thị” với binh lính Việt Nam Cộng hòa. Chấp hành chính sách một số nơi phần nhiều lệch lạc.

2.1.3. Tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu đặt ra cho cách mạng miền Nam

Bước vào đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, các lực lượng xã hội chủ nghĩa, dân tộc, dân chủ và hoà bình vẫn tiếp tục đà phát triển nhanh, mạnh và đã giành được những thắng lợi mới.

Ở Việt Nam, ngày 28/1/1961, Tổng thống Mỹ Kennedy điều chỉnh “chủ nghĩa Aixenhao” và tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam. Ở Khu 5, địch tiến hành gom dân lập ấp chiến lược với mức độ ngày càng tăng.

Trước âm mưu của Mỹ - Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, vấn đề đặt ra đối với cách mạng miền Nam là phải lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh kết hợp cả “ba mũi giáp công” chính trị, quân sự và binh vận để đánh địch.

2.1.4. Chủ trương của Đảng về công tác binh vận

Chủ trương của Đảng đối với cách mạng miền Nam nói chung và công tác binh vận nói riêng thể hiện qua các văn kiện như: Chỉ thị về *phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, ngày 24/1/1961 của Bộ Chính trị; Nghị quyết “*Về công tác cách mạng miền Nam*” ngày 27/2/1962 của Bộ Chính trị; Nghị quyết *Về tình hình, phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, ngày 10/12/1962 của Bộ Chính trị; Nghị quyết *Ra sức phấn đấu, tiến lên giành những thắng lợi mới ở miền Nam* tháng 12/1963 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 2/NQ, tháng 3/1964 của Trung ương Cục miền Nam (lần 2).

Các văn kiện trên đều làm rõ chủ trương của Đảng đối với công tác binh vận với những nội dung chủ yếu như: *Mục tiêu tổng quát của công tác binh vận*: kết hợp đấu tranh binh vận, tấn công quân sự, chính trị với cuộc binh biến của binh lính để thực hiện Tổng khởi nghĩa, đánh đổ chính quyền tay sai và quân xâm lược. *Mục tiêu cốt lõi*: làm tan rã hàng ngũ đối phương về cả tư tưởng và tổ chức. *Nhiệm vụ trọng tâm*: phục vụ tác

chiến, phá tan các âm mưu của địch như dồn dân lập “ấp chiến lược”. *Nhiệm vụ chiến lược*: xây dựng cơ sở trong các đơn vị chủ lực và binh chủng quan trọng của địch.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN

Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận được thể hiện qua các văn kiện, như: Nghị quyết số 62 “*Về công tác binh vận*” tháng 2/1961 của Khu ủy 5; Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 5 mở rộng lần thứ III ngày 31/7/1963; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 4 ngày 16/11/1963; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy lần thứ 8 (mở rộng) tháng 12/1964.

Các văn kiện trên đều tập trung làm rõ chủ trương của Đảng bộ Khu 5 về công tác binh vận với những nội dung chủ yếu: *Mục tiêu* phục vụ việc phá vỡ các âm mưu càn quét, khủng bố, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phá rã lực lượng bán vũ trang của địch. *Nhiệm vụ*: tuyên truyền tấn công chính trị làm cho binh lính hiểu rõ chính sách của Đảng để đứng lên đánh đổ Mỹ - Việt Nam Cộng hòa. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong hàng ngũ binh lính địch, xây dựng lực lượng, xây dựng nội tuyến, thực hiện tốt chính sách binh vận, kết hợp “3 mũi giáp công” trong đấu tranh binh vận...

2.3. ĐẢNG BỘ KHU 5 CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN

2.3.1. Chỉ đạo xây dựng tổ chức binh vận

Để đưa công tác binh vận đáp ứng được yêu cầu mới, Khu ủy 5 chỉ đạo các cấp ủy đảng và đảng bộ địa phương xây dựng và củng cố Ban Binh vận các cấp từ tỉnh đến các xã, đồng thời tăng cường giáo dục công tác binh vận làm cho toàn Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và quần chúng hiểu rõ ý nghĩa, đường lối, chính sách, nhiệm vụ và phương pháp làm binh vận.

Từ năm 1961 trở đi, hệ thống ngành binh vận Khu 5 được chia thành 4 cấp (Khu, tỉnh, huyện, xã). Đến năm 1962, Khu 5 đã kiện toàn 8 Ban Binh vận cấp tỉnh (nơi nhiều nhất 08, ít nhất là 03 cán bộ, hầu hết có ủy Ủy viên Thường vụ phụ trách, một số nơi có ủy viên chuyên trách). Kiện toàn 68 Ban Binh vận huyện, có 515 hội đồng và Ban Binh vận xã, thôn.

2.3.2. Chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến

Khu ủy 5 chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến thành nhiều loại: Cơ sở trường kỳ mai phục; cơ sở hoạt động làm nhiệm vụ điều tra, tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo binh lính đấu tranh; cơ sở tình hình; cơ sở người dân

tộc. Đến năm 1963 “Khu 5 đã phát triển cơ sở gấp 6 lần so với năm 1961, có tính trên 300 cơ sở, như ở Bình Định lực lượng làm công tác binh vận tăng 62% so với năm 1962”. Ở đồng bằng Khu 5, năm 1964 phát triển được 43.000 cơ sở trong 1.500 thôn.

2.3.3. Chỉ đạo binh vận kết hợp với tiến công quân sự, đấu tranh chính trị trong phong trào diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược của địch

Để phát huy sức mạnh tổng hợp, Khu ủy 5 chỉ đạo kết hợp “3 mũi giáp công” trong đấu tranh phá “áp chiến lược.” Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy và Quân Khu 5 về kết hợp “ba mũi giáp công” trong phá “áp chiến lược” diễn ra sôi nổi, diễn hình như:

Trong Đông Xuân 1964-1965, công tác binh vận phối hợp với bộ đội chủ lực phá từng mảng “áp chiến lược” mở ra nhiều khu vực. Toàn Khu 5, cuối năm 1964 đầu năm 1965, mũi binh vận đã phối hợp với mũi quân sự làm ta rã trên 2 vạn quân chủ lực và bảo an, trong đó có 14 đại đội, 172 trung đội tan rã hoàn toàn.

Toàn Khu 5, trong 6 tháng đầu năm 1964 đã phá 1.080 “áp chiến lược” ở đồng bằng và 292 “áp chiến lược” ở miền núi. Xuân-Hè 1965, Khu 5 cơ bản phá 2.100/2.800 áp, số dân làm chủ và vùng giải phóng lên 2.104.000 người.

Từ năm 1962 đến năm 1965 “toàn Khu 5 đã làm tan rã 75.117 binh sĩ Việt Nam Cộng hòa (có 20 ngàn binh lính chủ lực), có 1.015 trung đội tan rã tập thể, phần lớn là dân vệ, thanh niên chiến đấu (năm 1964 cao nhất là 33.000 binh sĩ).

2.3.4. Chỉ đạo thực hiện chính sách tù, hàng binh

Trong thực hiện chính sách binh vận, Khu ủy 5 chỉ rõ: trong lúc tác chiến phải có cán bộ nắm vững chính sách, có kế hoạch và tổ chức chu đáo để thực hiện tốt chính sách đối với thương, tù, hàng binh; trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng giáo dục tốt tù hàng binh; đi đôi với việc giáo dục tốt cần lấy hành động thực tế của ta đối với họ để cảm hoá, thuyết phục họ.

Kết quả 1961 sau khi được giáo dục đã phóng thích 284 tù hàng binh địch. Tập trung giáo dục trên 1.000 tên, các tù binh bắt được, sau khi giáo dục sẽ phóng thích tại chỗ. Năm 1962, Khu 5 có 171.200 lượt quân chúng được học tập chính sách và công tác binh vận; 18.500 gia đình binh lính VNCH được học tập chính sách; tổ chức cho 730 cán bộ các ngành ở tỉnh huyện được nghe phổ biến nhiệm vụ và các chính sách về binh tề vận.

Năm 1965 trong số 5.707 tù hàng binh có 252 người được bổ sung vào du kích và Quân giải phóng. Từ thực hiện tốt chính sách hàng binh của Đảng, Mặt trận giải phóng mà hàng năm có nhiều đào binh theo cách mạng, về với nhân dân, hoặc được giác ngộ, lựa chọn xây dựng cơ sở nội tuyến, giao cho một số nhiệm vụ thích hợp.

Tiểu kết Chương 2

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965, Đảng bộ Khu 5 đã quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, kịp thời đưa ra chủ trương về đấu tranh binh vận sát với tình hình thực tiễn và từng đối tượng góp phần đưa công tác binh vận ngang tầm với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Tuy nhiên, công tác binh vận còn những hạn chế: Cấp ủy các cấp thiếu nhanh nhạy trong chỉ đạo nắm vững nội dung, phương thức hoạt động, nhất là vấn đề “Công-Nông-Binh liên hiệp”. Chỉ đạo công tác binh vận còn nặng về kêu gọi, ít có biện pháp cụ thể; chưa chú trọng đúng mức đối với quân chủ lực, quân binh chủng, sĩ quan và ở đô thị. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ binh vận cơ sở ít được bồi dưỡng học tập, thiếu kiến thức cơ bản.

Chương 3

ĐẢNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BINH VẬN (1965-1975)

3.1. TÌNH HÌNH MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN

3.1.1. Tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu đặt ra cho cách mạng miền Nam

Từ năm 1965 đến năm 1975, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng trên thế giới tiếp tục phát triển mạnh. Tuy nhiên, trong phong trào cộng sản quốc tế không có sự nhất trí về đường lối cách mạng trên thế giới.

Trong giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975, Mỹ tiến hành hai chiến lược chiến tranh “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” xâm lược Việt Nam.

Trước âm mưu và hành động của địch, yêu cầu đặt ra đối với công tác binh vận giai đoạn 1965-1975 là: Khắc phục những hạn chế của công tác binh vận trước năm 1965, đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến trong các đơn vị chủ lực của địch; đẩy mạnh đấu tranh binh vận ở thành thị;

đẩy mạnh “ba mũi giáp công” đồng thời kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm suy yếu tinh thần địch, đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

3.1.2. Chủ trương của Đảng về công tác binh vận

Chủ trương của Đảng về binh vận được thể hiện trong các văn kiện, như: Nghị quyết *Về tình hình nhiệm vụ mới* ngày 27/12/1965 của BCHTW Đảng; Nghị quyết số 154-NQ/TW *Về đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam* ngày 27/1/1967 của Bộ Chính trị; Nghị quyết *Về tổng khởi nghĩa, tổng công kích ở miền Nam* tháng 8/1968 của Bộ Chính trị; Chỉ thị *nhận định tình hình về địch và về ta* ngày 9/11/1968 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 188-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ* ngày 10/5/1969 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 196-NQ/TW ngày 10/3/1970 của BCHTW Đảng; Nghị quyết số 107/QU *về tình hình mới ở bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta* ngày 19/6/1970 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 219-NQ/TW ngày 4/4/1972 của BCHTW Đảng; Nghị quyết số 227-NQ/TW ngày 13/10/1973 của BCHTW Đảng.

Các văn kiện trên đều khẳng định công tác binh vận có vị trí, vai trò quan trọng và nhấn mạnh việc kết hợp chặt chẽ công tác binh vận với đấu tranh quân sự và chính trị để làm tan rã quân đội Việt Nam Cộng hòa; thúc đẩy phong trào phản chiến trong hàng ngũ quân Mỹ và đồng minh; chú trọng xây dựng lực lượng binh vận, cơ sở binh vận, chính sách binh vận. Chủ trương có những điểm mới nổi bật so với giai đoạn trước năm 1965, đó là: đẩy mạnh đấu tranh binh vận ở thành thị; kết hợp bốn mặt trận: Quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao. Mục tiêu tác chiến của công tác binh vận: làm suy yếu địch từ cơ sở, vô hiệu hóa đồn bốt, tan rã lực lượng phòng vệ dân sự. Phương thức thực hiện: biến binh vận thành phong trào quần chúng, tận dụng các mối quan hệ gia đình binh sĩ.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN

Chủ trương của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận thể hiện rõ trong các văn kiện, như: Nghị quyết *“Về công tác thành phố”* ngày 20/3/1966 của Khu ủy 5; Nghị quyết *Về tập trung toàn lực đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị quyết giành thắng lợi to lớn nhất trong thời gian tới* tháng 3/1967 của Khu ủy 5 (mở rộng); Nghị quyết *binh địch vận* ngày 02/3/1968 của Ban Binh vận Khu 5; Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ Tám, ngày 6/10/1968; Nghị quyết Hội nghị lần thứ

chín Khu ủy 5 tháng 4/1969; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (Mở rộng) ngày 13/10/1969; Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ mười, tháng 3/1970; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 7/10/1970; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 04/3/1972; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy 5 (mở rộng) ngày 13/9/1972; Nghị quyết Hội nghị Đại biểu lần thứ III của Đảng bộ Khu 5, ngày 22/12/1973; Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) ngày 14/5/1974; Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Khu ủy 5 tháng 7/1974.

Các văn kiện trên thể hiện rõ chủ trương của Đảng bộ Khu 5 đối với công tác binh vận, như:

Trong đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”: Đẩy mạnh đấu tranh binh vận ở đô thị, đồng thời khôi phục và xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc cho cả trước mắt lẫn lâu dài; biện pháp tiến công khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch, đánh vào tâm lý quân Mỹ và đồng minh.

Giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”: Kết hợp chặt chẽ quân sự, chính trị và binh vận ngay tại cơ sở để chống càn quét, bình định; xây dựng cơ sở trong cả binh lính, sĩ quan (chú trọng đơn vị quan trọng và “lực lượng thứ ba”); phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công tại nông thôn để tiêu diệt lực lượng kim kẹp, phá khu đồn dân và giành quyền làm chủ xã thôn.

Giai đoạn từ năm 1973 - 1975: Mục tiêu là tấn công tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã quân đội và chính quyền đối phương, buộc địch thi hành Hiệp định Paris; Phương thức đấu tranh: kết hợp chặt chẽ quân sự, chính trị, binh vận với ngoại giao; xây dựng cơ sở ngầm trong các đơn vị quan trọng, dùng nội tuyến diệt ác ôn, phá hủy kho tàng, hậu cứ địch; chấp hành tốt chính sách binh tề vận để tác động tâm lý đối phương.

3.3. ĐẢNG BỘ KHU 5 CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN

3.3.1. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng tổ chức binh vận

Khu ủy 5 chỉ đạo các cấp ủy tích cực kiện toàn hệ thống cơ quan binh vận các cấp từ khu đến xã, tăng cường đội ngũ cán bộ trong khu vực đô thị, đồng bằng, tổ chức bộ máy binh vận theo hướng tăng cường cho xã, huyện, tách binh địch vận xã, phường ra khỏi ban đấu tranh chính trị, soát xét lại đội ngũ cơ sở nội tuyến, chỉ đạo, hướng dẫn hình thành các tổ nòng cốt binh vận.

Đến đầu năm 1966, Khu và các tỉnh đã tổ chức được 31 đội công tác cấp huyện, 64 tổ bám điểm, đào tạo 205 cán bộ hợp pháp, 460 nòng cốt binh vận, 33 mật giao, bồi dưỡng 4.487 cán bộ thôn, xã về một số nhiệm vụ trước mắt của công tác binh địch vận.

Từ năm 1973 trở về sau, các Ban Binh vận không ngừng được kiện toàn. Một số tỉnh đã đề ra cán bộ binh vận hợp pháp phải chiếm 1/2 ở cấp huyện, 2/3 ở cấp xã. Ban Binh vận của Khu có trên 100 cán bộ nhân viên. Ban Binh vận của các tỉnh biên chế từ 40 đến 50 đồng. Ban Binh vận huyện, thị trên dưới 10 đồng chỉ cán bộ chuyên trách, trực tiếp chỉ đạo hàng chục cơ sở binh vận hợp pháp và bất hợp pháp.

3.3.2. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng cơ sở nội tuyến

Nhằm đẩy mạnh công tác binh vận, ngày 29/4/1965, Thường vụ Khu ủy 5 ban hành Chỉ thị gửi các liên lĩnh, thành, Đảng ủy P120, các ngành, yêu cầu: ra sức xây dựng cơ sở nội tuyến phục vụ cho tác chiến, làm tan rã mạnh hơn nữa hàng ngũ nguy quân, đồng thời phục vụ phương hướng chiến lược.

Năm 1966, toàn Khu 5 tổ chức được 170 cơ sở nội tuyến. Năm 1967, toàn Khu 5 phát triển thêm nhiều cơ sở hoạt động nội tuyến, trong đó có 64% trong lính cộng hòa, 13,8% trong lính bảo an, 12% trong phụ quân. Toàn khu đã xây dựng được 85% ấp, xã trong khu có cơ sở nội tuyến. Năm 1972, Khu 5 đã xây dựng được hơn 2000 cơ sở nội tuyến.

3.3.3. Chỉ đạo đẩy mạnh tiến công binh vận kết hợp với tiến công quân sự, chính trị chống bình định nông thôn và lấn chiếm bình định

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” đưa quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ đổ bộ vào chiến trường Khu 5, Thường vụ Khu ủy 5 yêu cầu: Phát động một đợt hoạt động thống nhất trong toàn khu với yêu cầu chính đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của địch, giải phóng vùng còn lại ở nông thôn, đồng bằng và miền núi, kể cả nhiều đoạn đường giao thông chiến lược, quận lỵ, thị trấn.

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) Khu 5 đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 47.000 quân địch. Trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai (1966-1967) loại khỏi vòng chiến đấu 73.422 quân địch, bắt sống 609 quân. Toàn Khu 5, trong năm 1968, phối hợp “ba mũi giáp công” loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 47.000 tên các lực lượng kìm kẹp và 3.000 tên ác ôn.

Trong năm 1974, địch đào rã ngũ 30.635 binh sĩ. Sau 2 đợt hoạt động Xuân - Hè và Thu 1974, Khu 5 đã đánh bại kế hoạch “bình định nông thôn của địch”. Năm 1974, Khu 5 giải phóng 44 vạn dân, vùng làm chủ 16 vạn dân. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, Khu 5 đã diệt 31.366 binh sĩ, bắt sống 26.340 binh sĩ, số ra trình diện 230.230 binh sĩ, truy quét bắt thêm 25.310 quân.

3.3.4. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chính sách tù, hàng binh

Khu ủy 5 chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách binh địch vận. Phổ biến rộng rãi chính sách đối với quân đội địch trong Cương lĩnh chính trị và chính sách của Ủy ban Trung ương Mặt trận; thực hiện chính sách đối với nghĩa binh và binh lính rã ngũ: khen thưởng đối với nghĩa binh, binh lính rã ngũ.

Năm 1966, toàn Khu 5 có 3.000 tù binh. Quá trình quản lý giáo dục, đã phóng thích 2.254 binh sĩ, phóng thích tại trận 2.000 binh sĩ. Năm 1972, trong số hơn 1 vạn tù hàng binh đã có hơn 2.000 người tự nguyện xin tham gia lực lượng cách mạng (bổ sung cho bộ đội chủ lực 811 người, các ngành của dân chính 1.476 người)."

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Tổng cục Chính trị, Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 đã giải phóng 28 vạn tù, tàn binh ở Khu 5 đập tan luận điệu tuyên truyền tâm lý của kẻ thù "rằng sẽ có tám máu, sẽ có trả thù khi Cộng sản giành thắng lợi".

Tiểu kết Chương 3

Từ năm 1965 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5, các cấp ủy đảng đã nhận thức đúng đắn vị trí chiến lược của công tác binh vận, phát động được một phong trào binh vận rộng khắp trên ba vùng chiến lược, tấn công chính trị vào các đối tượng trong mọi lúc mọi nơi, huy động được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia binh địch vận, kể cả gia đình binh sĩ Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, còn có những hạn chế, đôi lúc công tác binh vận chưa theo kịp tình hình phát triển ngày càng thuận lợi của phong trào cách mạng, kết hợp ba mũi giáp công đôi lúc chưa nhịp nhàng, xây dựng lực lượng cách mạng trong lòng địch còn chậm. Sau Hiệp định Paris công các binh vận có biểu hiện mất cảnh giác, mơ hồ. Phong trào binh vận ở đô thị, trong quân chủ lực và sĩ quan cao cấp còn chưa đạt yêu cầu.

Chương 4 NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ KHU 5 VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN GIAI ĐOẠN 1961-1975

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Khu ủy Khu 5 đã quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng đề ra chủ trương đấu tranh binh vận đúng đắn, kịp thời

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu ủy 5 luôn quán triệt nghiêm túc và vận dụng sáng tạo các chủ trương của Trung ương Đảng vào thực tiễn ở Khu 5. Trên cơ sở đó, xác định nhiệm vụ, mục tiêu, đối tượng binh vận trong từng giai đoạn cụ thể:

Giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1965: xác định địa bàn trọng điểm chủ yếu ở nông thôn, đồng bằng và miền núi nhằm phục vụ phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược”, giành dân. Mục tiêu trọng tâm tấn công tư tưởng làm hoang mang tinh thần binh lính; hạn chế đàn áp, hỗ trợ quần chúng phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược.

Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1975: xác định địa bàn, bên cạnh địa bàn ở miền núi, đồng bằng và nông thôn, công tác đấu tranh binh vận chuyển hướng và đẩy mạnh đấu tranh ở đô thị. Phương thức phối hợp nâng tầm lên mức độ cao hơn, hình thành thế trận 4 mặt trận phối hợp: Quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao.

Hai là, Đảng bộ Khu 5 chỉ đạo công tác binh vận với những phương pháp linh hoạt, sáng tạo

Trong đấu tranh binh vận Khu 5 đã có những phương pháp sáng tạo như: “đưa người của ta” đi học các trường sĩ quan của Việt Nam Cộng hòa, cài cắm sâu vào các cơ quan đầu não và các cấp chỉ huy; phong trào “Đại hội gia đình binh sĩ”, “Gia đình binh sĩ yêu nước” và phương thức “Xanh vỏ đỏ lòng”; phong trào “Tộc họ, thôn xóm dứt điểm không có người đi lính cho địch”; tổ nòng cốt binh vận quanh các “vành đai diệt Mỹ”; “đội quân tóc dài” trên “vành đai diệt Mỹ”; xây dựng chính quyền “hai mặt” trong lòng địch.

Ba là, công tác binh vận đạt được thành tựu to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy hệ thống tổ chức binh vận thường xuyên được kiện toàn, lực lượng cán bộ binh vận đáp ứng yêu cầu cách mạng; Đảng bộ Khu 5 đã xây dựng được cơ sở nội tuyến hoạt động hiệu

quả; Kết hợp giữa đấu tranh binh vận với đấu tranh quân sự, chính trị giành nhiều thắng lợi quyết định; Khu 5 đã thực hiện có hiệu quả công tác tù, hàng binh.

4.1.1.2. Nguyên nhân ưu điểm

Thứ nhất, có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sáng suốt của Trung ương Đảng đối với công tác binh vận

Thứ hai, Đảng bộ Khu 5 có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần đoàn kết, tư duy sáng tạo

Thứ ba, Đảng bộ, quân và dân Khu 5 có truyền thống anh dũng, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Thứ tư, Khu 5 kết hợp tiến công binh vận và đấu tranh ngoại giao nêu cao tính chính nghĩa trong tiến công binh vận

Thứ năm, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Đảng bộ Khu 5 đã nhận thức đầy đủ, toàn diện về vị trí, vai trò của công tác binh vận

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, sự chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 và một số cấp ủy có thời điểm còn lúng túng, bị động chưa theo kịp tình hình mới

Mỗi khi đế quốc Mỹ chuyển chiến lược chiến tranh mới, khi có sự thay đổi đối tượng tác chiến, đối tượng binh địch vận, trước những âm mưu thủ đoạn mới của địch, nhận thức của các cấp ủy đảng về vai trò chiến lược của công tác binh vận thường có biểu hiện lúng túng, xác định phương châm, phương thức, biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chậm.

Thứ hai, chỉ đạo tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn chưa đáp ứng được yêu cầu

Ở một số địa phương xây dựng lực lượng binh vận chưa đáp ứng được yêu cầu mới dẫn đến bỏ qua nhiều thời cơ tấn công binh vận để giành thắng lợi lớn hơn. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ binh vận cơ sở ít được bồi dưỡng học tập, hoạt động công tác nhiệt tình, kinh nghiệm, nhưng thiếu kiến thức cơ bản.

Thứ ba, trong một số thời điểm, công tác binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh chưa đạt kết quả như mục tiêu đề ra

Binh vận đối với quân Mỹ và đồng minh còn những hạn chế về quy mô, số lượng, chất lượng, chưa có những vụ binh biến tập thể điển hình, chưa cài cắm được cơ sở nội tuyến trong các đơn vị quân đội của địch, chưa hạn chế được sự tàn sát của địch.

Thứ tư, việc chấp hành chính sách tù, hàng binh ở một số địa phương có lúc chưa tốt

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách binh vận còn nhiều khuyết điểm đối với tù hàng binh và gia đình binh sĩ, một số địa phương có lúc còn đối xử hẹp hòi, thành kiến, nặng truy ép, nhẹ thuyết phục, khiến binh sĩ và gia đình binh sĩ nghi ngờ, thiếu lòng tin với cách mạng, gây trở ngại quá trình hoạt động binh vận.

4.1.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất, âm mưu, thủ đoạn thâm độc và chính sách đàn áp, kìm kẹp tàn bạo của địch tác động đến công tác đấu tranh binh vận

Thứ hai, một số cấp ủy còn có biểu hiện chủ quan trong nhận thức và chỉ đạo đấu tranh binh vận

Thứ ba, Ban Binh vận các cấp có thời điểm chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ

Thứ tư, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ binh vận ở một số địa phương còn hạn chế.

4.2. KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH ĐẲNG BỘ KHU 5 LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN (1961-1975)

4.2.1. Luôn kịp thời đánh giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, đề ra chủ trương công tác binh vận phù hợp

Trong quá trình lãnh đạo Khu 5 đã đánh giá đúng tình hình, xác định đối tượng binh vận trong từng chiến lược chiến tranh của địch. Trên cơ sở đánh giá đúng âm mưu và tư tưởng, tổ chức, tâm lý của địch, Khu ủy 5 kịp thời đưa ra mục tiêu và nội dung, phương thức tấn công binh vận phù hợp, hiệu quả trong từng giai đoạn, từng đối tượng tác chiến (Mỹ - ngụy, Nam Triều Tiên), từng sắc lính trên cả 3 vùng chiến lược.

4.2.2. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị, quân sự, vận dụng linh hoạt các hình thức binh vận

Trong quá trình lãnh đạo Khu ủy 5 đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận, kiên quyết đấu tranh khắc phục những nhận thức sai trái, lệch lạc như đề cao quá mức hoặc hạ thấp, coi nhẹ công tác binh vận. Sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, là một nghệ thuật và phương pháp cách mạng.

4.2.3. Vận động và tổ chức toàn dân tham gia công tác binh vận là nhân tố cơ bản quyết định thành công của đấu tranh binh vận

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy 5, công tác binh vận đã thật sự trở thành một phong trào quần chúng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của

các cấp, các ngành, các giới, các đoàn thể như công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ, hội mẹ chiến sĩ, học sinh, sinh viên, gia đình binh sĩ và các tổ chức tôn giáo yêu nước tham gia công tác binh vận, làm cho binh vận trở thành phong trào sâu rộng, liên tục tấn công kẻ thù, làm rối loạn hậu phương ngay tại sào huyệt của địch, giành những thắng lợi to lớn.

4.2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận vững mạnh về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt cho phong trào

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, cấp ủy các địa phương, đội ngũ cán bộ binh vận Khu 5 không ngừng phát triển từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, từ một số lượng ít ỏi, nòng cốt ban đầu thành một đội ngũ vừa có số lượng lớn, cơ cấu phù hợp, vừa có chất lượng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, trong một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh từ khu, tỉnh, huyện đến cơ sở, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng rộng lớn, chủ động liên tục tấn công kẻ thù, là một trong những nguyên nhân thành công của công tác binh vận.

4.2.5. Nêu cao nhân đạo, tính chính nghĩa trong đấu tranh binh vận và thực hiện chính sách tù, hàng binh

Thắng lợi của công tác binh vận tại chiến trường Khu 5 là minh chứng cho sức mạnh của chính nghĩa, tính nhân đạo và tinh thần khoan dung của cách mạng. Thành quả đó không chỉ khẳng định nghệ thuật chỉ đạo tài tình, khéo léo của Đảng bộ Khu 5 mà còn biểu thị giá trị nhân văn cao đẹp của chính sách tù hàng binh - một vũ khí sắc bén “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” của dân tộc Việt Nam.

Tiểu kết Chương 4

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975, công tác binh vận có những ưu điểm: Khu ủy 5 quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng đề ra chủ trương đấu tranh binh vận đúng đắn, kịp thời; chỉ đạo công tác binh vận với những phương pháp linh hoạt, sáng tạo. Công tác binh vận giành được thành tựu quan trọng. Bên cạnh những ưu điểm, công tác binh vận còn có những hạn chế: chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 có thời điểm còn lúng túng, bị động; tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn hạn chế; công tác binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh chưa đạt được kết quả như mong muốn; chấp hành binh vận ở một số địa phương còn chưa tốt. Từ thực tiễn quá trình Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận giai đoạn 1961-1975 rút ra năm bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Thắng lợi của Đảng bộ, quân và nhân dân Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó có sự đóng góp quan trọng của công tác binh vận. Đảng bộ, quân và nhân dân Khu 5 đã kế thừa và phát huy truyền thống đánh giặc bằng “tâm công” “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo” của ông cha ta, với đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng, giương cao ngọn cờ chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Khu 5, công tác binh vận đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, phát triển từ thấp đến cao, bám sát tình hình thực tiễn và đạt được nhiều thắng lợi quan trọng.

Giai đoạn 1961-1965, Đảng bộ Khu 5 đã kịp thời đề ra chủ trương về đấu tranh binh vận với các phương pháp, phương châm sáng tạo, linh hoạt sát với tình hình thực tiễn. Khu ủy Khu 5 và các cấp ủy địa phương chỉ đạo xây dựng lực lượng binh vận từ Khu đến các xã và thôn xóm, bộ máy binh vận bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, huy động được toàn dân làm công tác binh vận, kết hợp ba mũi giáp công trong phá thế kìm kẹp, phá “áp chiến lược” làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Giai đoạn 1965-1975, đặc biệt khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, công tác binh vận cũng gặp rất nhiều khó khăn phải vận động hai đối tượng là quân Mỹ, quân đồng minh và quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhưng với chủ trương, nội dung, phương pháp binh vận đúng đắn và phương pháp đấu tranh sáng tạo như thành lập “vành đai diệt Mỹ”, phương thức “xanh vỏ đỏ lòng”, “đại hội gia đình binh sĩ”... đã góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

3. Nhìn nhận một cách khách quan, trong quá trình lãnh đạo công tác binh vận còn có những hạn chế nhất định: chỉ đạo công tác binh vận của Khu ủy 5 có thời điểm còn lúng túng, bị động; tổ chức, xây dựng lực lượng binh vận có thời điểm còn hạn chế; công tác binh vận đối với quân Mỹ và quân đồng minh chưa đạt được kết quả như mong muốn; chấp hành chính sách tù, hàng ở một số địa phương còn chưa tốt.

4. Nghiên cứu Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận từ năm 1961 đến năm 1975 rút ra 5 bài học kinh nghiệm: 1) Luôn kịp thời đánh

giá đúng tình hình, xác định đúng đối tượng, đề ra chủ trương công tác binh vận phù hợp. 2) Kết hợp chặt chẽ đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị, quân sự, vận dụng linh hoạt các hình thức binh vận. 3) Vận động và tổ chức toàn dân tham gia công tác binh vận là nhân tố cơ bản quyết định thành công của đấu tranh binh vận. 4) Xây dựng đội ngũ cán bộ binh vận vững mạnh về chính trị, tư tưởng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ làm nòng cốt cho phong trào. 5) Nêu cao nhân đạo, tính chính nghĩa trong đấu tranh binh vận và thực hiện chính sách tù, hàng binh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Quang Huy (2025) “Đảng bộ Khu 5 lãnh đạo công tác binh vận (1961 - 1965), *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (10), tr.96 - 101.
2. Lê Quang Huy (2026) “Một số chủ trương, chỉ đạo công tác binh vận và đấu tranh binh vận của Đảng bộ Khu 5 (1965-1968)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (01), tr.101 - 107.